

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN : *KINH...TẾ...CHÍNH...TRỊ 2*

LỚP : KINH DOANH THƯƠNG MẠI 21 - KHÓA 21 : CHÍNH QUY - BẬC: TCCN

Giảng viên phụ trách : *Nguyễn Thị Thanh Thúy*

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Điểm KT (hệ số 1)	Điểm KT (hệ số 2)	T.Bình Kiểm tra học phần	Điểm thi kết thúc học phần	Điểm học phần (ghi bằng số)	Điểm học phần (ghi bằng chữ)	Ghi chú
			(.1)	(.2)	(.3)	(.4)	(.5)	(.6)	
1	Huỳnh Kim Anh	11/08/91	9	0	3	4	3.5	Ba rưỡi	
2	Đặng Xuân Bách	30/10/91	7	9	8	4	6.0	Sáu chẵn	
3	Võ Kim Bình	29/12/92	8	0	3	6	4.5	Bốn rưỡi	
4	Nguyễn Thị Ngọc Dung	19/01/92	7	7	7	6	6.5	Sáu rưỡi	
5	Bành Trí Dũng	30/12/90	8	9	9	4	6.5	Sáu rưỡi	
6	Lê Ngọc Thùy Duyên	30/03/91	8	7	7	4	5.5	Năm rưỡi	
7	Trần Vinh Hiền	29/03/88			0	0	0.0	Không	
8	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	13/12/92	8	0	3	0	1.5	Một rưỡi	
9	Văn Thị So Na	20/01/89	9	9	9	6	7.5	Bảy rưỡi	
10	Đàm Thị Thu Ngân	22/09/89	8	9	9	5	7.0	Bảy chẵn	
11	Ngô Thị Kim Ngân	01/10/92	8	7	7	4	5.5	Năm rưỡi	
12	Châu Ngọc Nhẫn	08/09/89			0	0	0.0	Không	
13	Phan Thị Hồng Nhung	10/07/89	0	4	3	0	1.5	Một rưỡi	
14	Trương Lý Pôn	09/09/91	9	9	9	5	7.0	Bảy chẵn	
15	Trần Kim Phương	20/05/91	8	7	7	4	5.5	Năm rưỡi	
16	Nguyễn Công Hoàng Quân	05/05/92			0	0	0.0	Không	
17	Đoàn Quốc Qui	21/09/90	8	9	9	5	7.0	Bảy chẵn	
18	Võ Văn Sáng	12/12/92	8	9	9	4	6.5	Sáu rưỡi	
19	Phan Hồi Sinh	20/03/92			0	0	0.0	Không	
20	Liêu Phước Tài	25/04/89	8	9	9	6	7.5	Bảy rưỡi	
21	Hồ Đại Tân	19/05/92			0	0	0.0	Không	
22	Hoàng Thị Kim Thảo	20/11/91	7	9	8	6	7.0	Bảy chẵn	
23	Đặng Thị Bích Thảo	16/06/92	8	7	7	5	6.0	Sáu chẵn	
24	Nông Thị Thịnh	09/02/90	7	7	7	5	6.0	Sáu chẵn	
25	Đỗ Anh Thuận	06/02/91			0	0	0.0	Không	

**Chú thích :**

(1) : Kiểm tra thường xuyên (cho điểm tròn không có số lẻ )

(2) : Kiểm tra định kỳ (cho điểm tròn không có số lẻ )

(3) : Trung bình kiểm tra =  $\{(.1)+[(.2) \times 2]\} / 3$ 

(Làm tròn không số lẻ thập phân )